

Số: 9466/BTC-TCCB

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2020

V/v đăng ký danh sách và nộp
hồ sơ dự thi thăng hạng giảng
viên (hạng III) lên giảng viên
chính (hạng II)

Kính gửi:

- Học viện Tài chính;
- Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh;
- Trường Đại học Tài chính – Kế toán;
- Trường Đại học Tài chính – Marketing;
- Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- Tổng cục Hải quan.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 29/2012/Đ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các Thông tư/Thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT ngày 21/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp*), Bộ Tài chính đề nghị các đơn vị đăng ký nhu cầu và lập danh sách viên chức dự kiến đủ điều kiện dự thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II), cụ thể như sau:

I. Đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn dự thi

1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03, đang làm công tác giảng dạy tại các Trường đại học/Học viện thuộc Bộ Tài chính hoặc các Trường bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc Bộ Tài chính, các Tổng cục và tương đương thuộc Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục, đào tạo của Bộ Tài chính).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

a) Cơ sở giáo dục, đào tạo của Bộ Tài chính có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

b) Được thủ trưởng cơ sở giáo dục, đào tạo của Bộ Tài chính đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

c) Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy.

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên.

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II).

e) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

g) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

h) Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, cụ thể như sau:

- Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên.

- Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo được sử dụng trong giảng dạy, đào tạo.

- Có ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học đã được công bố.

i) Viên chức thăng hạng từ chức danh giảng viên (hạng III) lên chức danh giảng viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ ngạch/hạng giảng viên (mã số 15.111 hoặc V.07.01.03) hoặc tương đương tối thiểu là 09 (chín) năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 (sáu) năm đối với người có bằng tiến sĩ; trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

Riêng đối với giảng viên tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc Bộ hoặc các Tổng cục, ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn nêu trên, phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên.

3. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Hình thức, nội dung và thời gian thi (bao gồm cả việc miễn thi ngoại ngữ, tin học) chức danh nghề nghiệp giảng viên lên giảng viên chính thực hiện theo quy định hiện hành (hiện nay là Thông tư số 18/2017/TT-BGDĐT ngày 21/7/2017).

4. Hồ sơ đăng ký dự thi

4.1. Hồ sơ đăng ký

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên lên giảng viên chính, bao gồm:

(1) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu số 1 đính kèm);

(2) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức (theo mẫu số 2 đính kèm);

(3) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ hoặc cơ quan/đơn vị có thẩm quyền đối với viên chức cử dự thi thăng hạng (mẫu số 3 đính kèm);

(4) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng tiến sĩ hoặc bằng thạc sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;

- Bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên (đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Bộ và các Tổng cục);

- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;

- Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II);

- Chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ bậc 3 (B1 hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý viên chức về việc sử dụng ngoại ngữ với trình độ bậc 3 (B1 hoặc tương đương) trở lên theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT nêu

trên của viên chức dự thi (có bảng tham chiếu quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương đính kèm)

- Chứng chỉ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tương đương hoặc xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý viên chức về việc sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đạt chuẩn trình độ theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của viên chức dự thi.

(5) Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, đề tài, bài báo khoa học và biên soạn sách phục vụ đào tạo có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý được sắp xếp theo trình tự thời gian kèm theo các minh chứng:

- Bản sao các quyết định hoặc hợp giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ, biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- Bản sao bài báo khoa học đã được công bố (đánh dấu rõ tên tác giả); bản sao sách (giáo trình) phục vụ đào tạo đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định (đánh dấu rõ tên giảng viên chủ trì hoặc tham gia biên soạn, quyết định/văn bản giao nhiệm vụ, quyết định/biên bản/văn bản thẩm định nghiệm thu)

- Bản sao sách, tài liệu phục vụ giảng dạy khác (đánh dấu rõ tên giảng viên chủ trì hoặc tham gia) kèm giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo của người đứng đầu cơ sở giáo dục, đào tạo.

(6) Bản sao y Quyết định bổ nhiệm ngạch viên chức; Quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức;

(7) Bản sao Quyết định/văn bản về việc tuyển dụng viên chức theo quy định.

Lưu ý:

- Các văn bằng, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành.

- Để thuận tiện cho công tác rà soát hồ sơ, đề nghị viên chức đăng ký dự thi/xét thăng hạng sắp xếp hồ sơ theo đúng thứ tự và kẹp hồ sơ theo từng nhóm nêu trên.

- Hồ sơ đăng ký dự thi/xét thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250x340x5mm và có ghi rõ họ tên viên chức và danh mục hồ sơ bên ngoài.

4.2. Thời gian xét các điều kiện, tiêu chuẩn

Thời điểm để xem xét các điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên lên giảng viên chính của Bộ Tài chính năm 2020 tính đến hết ngày 15/10/2020.

III. Tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị căn cứ vào nhu cầu và đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) nêu trên thực hiện:

(i) Báo cáo rõ về số lượng viên chức; số lượng và cơ cấu chức danh nghề nghiệp giảng viên theo từng hạng hiện có gửi kèm danh sách viên chức dự kiến tại mục (ii) dưới đây;

(ii) Lập danh sách viên chức dự kiến đủ điều kiện dự thi thăng hạng giảng viên lên giảng viên chính (*theo Mẫu số 4 đính kèm*) gửi về Bộ Tài chính (Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày **31/8/2020**;

(iii) Lập danh sách và hồ sơ viên chức chính thức đủ điều kiện dự thi thăng hạng giảng viên lên giảng viên chính (*theo Mẫu số 4 đính kèm*) gửi về Bộ Tài chính (Phòng 808 - Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày **20/10/2020**, đồng thời gửi file mềm định dạng excel về địa chỉ email: tranngoclan@mof.gov.vn. Sau thời hạn này (*theo dấu công văn đến của Bộ Tài chính*), đơn vị không gửi danh sách kèm hồ sơ dự thi thăng hạng coi như đơn vị không có nhu cầu đăng ký dự thi thăng hạng.

2. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về hồ sơ, danh sách viên chức đủ các điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II).

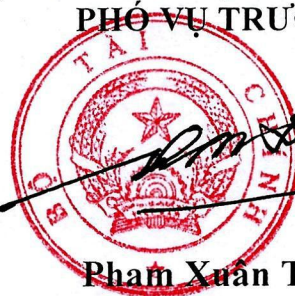
Mọi chi tiết xin liên hệ: Bộ Tài chính (Vụ Tổ chức cán bộ, điện thoại: 024.2202828 máy lẻ 8099 hoặc 0906.210.012 - Trần Ngọc Lan).

Bộ Tài chính thông báo để các đơn vị biết và tổ chức triển khai thực hiện./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB. (12b) 

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Phạm Xuân Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
Từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II)

Kính gửi:

Đồng kính gửi:.....

Tên tôi là (chữ in hoa): Nam (nữ):

Ngày tháng năm sinh:

Nơi ở hiện nay:

Đơn vị công tác (khoa, trường):

Chức vụ:

Trình độ chuyên môn cao nhất:

Ngày tháng năm được tuyển dụng vào biên chế:

Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay: mã số:

Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:

Hệ số lương hiện hưởng: ngày tháng năm xếp: / /

Sau khi nghiên cứu các quy định về việc thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II) tại Công văn số ngày của và các văn bản hiện hành khác, tôi tự đánh giá bản thân có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn để tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II).

Tôi làm đơn này kính đề nghị xem xét cho tôi được tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II).

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Tài liệu gửi kèm theo đơn này gồm có: , ngày tháng năm

1.

2.

3.

4.

5.

6.

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu SYLLVC ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý viên chức: Số hiệu viên chức:

Cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu (4 x
6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):
- 2) Tên gọi khác:.....
- 3) Sinh ngày:tháng.....năm....., Giới tính (nam, nữ):
4. Nơi sinh: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 5) Quê quán: Xã, Huyện....., Tỉnh
- 6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:
(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:
- 11) Ngày tuyển dụng:...../...../....., Cơ quan tuyển dụng:
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao:
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:Mã số:
Bậc lương:..., Hệ số:..., Ngày hưởng:/...../....., Phụ cấp chức vụ:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:
(TSKH, TS, Ths, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)
- 15.3- Lý luận chính trị:15.4- Quản lý nhà nước:.....
(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự)
- 15.5- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.....
- 15.6- Ngoại ngữ:15.7- Tin học:.....
(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D,...) (Trình độ A, B, C,...)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../....., Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị-xã hội:
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội,... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:/...../....., Ngày xuất ngũ:/...../....., Quân hàm cao nhất:
- 19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang; nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú)

20) Sở trường công tác:

21) Khen thưởng: 22) Kỷ luật:

(Hình thức cao nhất, năm nào) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)

23) Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:..., Cân nặng: kg, Nhóm máu:

24) Là thương binh hạng: .../....., Là con gia đình chính sách:

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân:Ngày cấp:/...../..... 26) Số sổ BHXH:

27) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm- Đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
.....		.../...-.../...		
.....		.../...-.../...		
.....		.../...-.../...		

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính qui, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng.../ Văn bằng: TSKH, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...
.....	
.....	
.....	

29) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm									
Mã CDNN/bậc									
Hệ số lương									

30) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ HOẶC SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....
.....
.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây
là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý
hoặc sử dụng viên chức
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT VIÊN CHỨC
(Dùng cho thi thăng hạng Giảng viên chính)

Họ và tên viên chức:

Đơn vị công tác:

1 - Phẩm chất đạo đức:

.....
.....
.....

2 - Năng lực chuyên môn:

.....
.....
.....

3 - Tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động:

.....
.....
.....

4 - Quan hệ với đồng nghiệp:

.....
.....
.....

5 - Phân loại, đánh giá trong thời gian 03 năm liên tục:

.....
.....
.....

Xét quá trình công tác và theo nhu cầu nhiệm vụ giảng dạy ở chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính, Cơ quan/đơn vị..... nhất trí cử Ông (Bà) tham dự kỳ thi thăng hạng từ Giảng viên lên Giảng viên chính của Bộ Tài chính năm 2020.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Tên Cơ quan/đơn vị.....

DANH SÁCH VIÊN CHỨC (DỰ KIẾN/CHÍNH THỨC ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ THI THẮNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) CỦA BỘ TÀI CHÍNH NĂM 2020
(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm 2020 của)

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi						Có đề án, công trình khoa học theo quy định	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
			Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng NVSP cho giảng viên	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II)	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ	Tin học		Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1	Nguyễn Thị	Hương		01.01.1968	Phó Trưởng Bộ môn	BM TCDN, Khoa TCDN	10N 10T	3,33	V.07.01.03	Ths kinh tế	Có	Có	TT 03/B/C	B1	Đủ	TC		Anh		
2																				
3																				

Danh sách này có: người.

....., ngày tháng năm 2020
Thủ trưởng cơ quan/đơn vị có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đề nghị Quý Đơn vị:

- 1) Gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phong chữ Times New Roman qua địa chỉ email: trangoclan@mo.gov.vn;
- 2) Cột 4,5 đã được định dạng text, yêu cầu phân cách ngày tháng năm bằng dấu chấm theo mẫu: cột 7 ghi tên bộ môn, khoa, phòng đang công tác; cột 8 ghi rõ số năm, tháng tính đến hết ngày 15/10/2020;
- 3) Cột 12 ghi cụ thể "có", cột 13 ghi cụ thể "có" hoặc "không", cột 16 ghi "đủ" (không để trống);
- 4) Cột 17, 18 ghi rõ bằng cấp, chứng chỉ được miễn thi (VD: B1/B2/TOEFL PBT 500 điểm/TOEFL CBT 173 điểm, Văn bằng 2, ...đôi với miễn thi ngoại ngữ; TC/CĐ/ĐH/ThS/TS đối với miễn thi tin học);
- 5) Cột 19 ghi rõ ngoại ngữ đăng ký thi (Anh/Pháp/Nga/Đức/Trung Quốc);
- 6) Cột 20 ghi rõ bộ môn giảng dạy đối với giảng viên kiêm chức hoặc ghi chủ khác (nếu có).

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1, B2 KHUNG CHÂU ÂU
(để xét trình độ ngoại ngữ khi dự tuyển và khi tốt nghiệp)**

*(Kèm theo Thông tư số: 05 /2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B1	4.5	450 PBT133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40
B2	5.5	500 BPT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
B2	TRKI 2	DELFB2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ A	Chứng chỉ B	Chứng chỉ C
1	Tiếng Anh	IELTS 3.5	IELTS 4.5	IELTS 5
		TOEFL® iBT 25	TOEFL® iBT 32	TOEFL® iBT 61
		TOEFL cBT (Computer Based) 97	TOEFL cBT (Computer Based) 127	TOEFL cBT (Computer Based) 177
		TOEFL pBT (Paper Based) 350	TOEFL pBT (Paper Based) 400	TOEFL pBT (Paper Based) 500
		TOEIC 246	TOEIC 381	TOEIC 541
2	Tiếng Nga	TRKI cấp độ 1	TRKI cấp độ 2	TRKI cấp độ 3

3	Tiếng Pháp	DEL F A2	DEL F B1	DEL F B2
		TCF Niveau 2	TCF Niveau 3	TCF Niveau 4
4	Tiếng Đức	- ZD cấp độ 1 - CEFR A2	- ZD cấp độ 2 - CEFR B1	- ZD cấp độ 3 - CEFR B2
5	Tiếng Trung	HSK cấp độ 3	HSK cấp độ 4	HSK cấp độ 5
6	Tiếng Nhật	Cấp 3 hoặc N4	Cấp 2 hoặc N2	Cấp 1 hoặc N1

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM**

*(Theo Công văn số 5624/BGDĐT-GDĐT ngày 29/10/2015
của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ)*

Trình độ theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993	Trình độ theo Quyết định số 66/2008/BGDĐT ngày 02/12/2008	Trình độ theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 (khung 6 bậc của Việt Nam)
Chứng chỉ A	Chứng chỉ A1	Bậc 1
Chứng chỉ B	Chứng chỉ A2	Bậc 2
Chứng chỉ C	Chứng chỉ B1	Bậc 3
	Chứng chỉ B2	Bậc 4
	Chứng chỉ C1	Bậc 5
	Chứng chỉ C2	Bậc 6

Lưu ý: Các chứng chỉ phải do Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, Trung tâm GDĐT tỉnh, trung tâm ngoại ngữ, tin học do các Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, các trung tâm ngoại ngữ, tin học của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp cấp.

THÔNG TIN VỀ CHỨNG CHỈ TIN HỌC A, B, C VÀ CHỨNG CHỈ TIN HỌC ĐẠT CHUẨN THEO THÔNG TƯ SỐ 03/2014/TT-BTTTT

(Quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực từ ngày 10/8/2016)

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT).

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 10/8/2016 không có giá trị trừ trường hợp các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 03 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Tin học ứng dụng A, B, C) đang triển khai trước ngày 10/8/2016 vẫn được tiếp tục thực hiện, cấp chứng chỉ cho đến khi kết thúc./.